

Số: 01/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự
an toàn giao thông**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

b) Thông tư này không điều chỉnh đối với các nguồn kinh phí sau:

Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động của Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ chi quản lý hành chính quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Nguồn kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành

chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;
- b) Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- c) Ban An toàn giao thông thành lập ở các địa phương;
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Điều 2. Nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông

- 1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.
- 2. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
- 3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông

- 1. Nội dung chi chung
 - a) Chi tuyên truyền, phổ biến pháp luật trật tự an toàn giao thông: Sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, băng hình, video clip...), tin nhắn qua điện thoại di động và mạng xã hội, tổ chức các buổi tọa đàm, cuộc thi, bình chọn, triển lãm ảnh, mít tinh và các hình thức, sản phẩm truyền thông khác để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn giao thông. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung truyền thông và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ;
 - b) Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo, tập huấn triển khai nhiệm vụ, công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông;
 - c) Chi hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông;
 - d) Chi tập huấn nghiệp vụ về trật tự an toàn giao thông;
 - đ) Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trực tiếp phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định của pháp luật;
 - e) Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành;

g) Chi xăng dầu, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

h) Chi thống kê, phân tích số liệu; xây dựng, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

i) Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định của pháp luật;

k) Chi hợp tác quốc tế về trật tự an toàn giao thông;

l) Chi khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Nội dung chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ Xây dựng

a) Chi xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện các chiến lược, đề án quốc gia, các giải pháp phối hợp liên ngành về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề các Bộ, ngành và địa phương thực hiện;

b) Chi công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương để giải quyết, khắc phục hậu quả các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng, các vấn đề đột xuất, phức tạp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên phạm vi cả nước;

c) Chi khắc phục sự cố bảo đảm an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông;

d) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng, trong dịp Tết Nguyên đán, Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông;

đ) Chi nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

e) Chi vận hành số điện thoại đường dây nóng về trật tự an toàn giao thông;

g) Chi thực hiện các nhiệm vụ phối hợp tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông phát sinh đột xuất trong năm với các Bộ, cơ quan trung ương;

h) Chi thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Nội dung chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương

a) Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã) trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông;

b) Chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhân rộng các mô hình điểm về bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

c) Chi công tác chỉ đạo, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các ngành, các tổ chức và các đoàn thể trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra;

d) Chi khắc phục sự cố đảm bảo an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông;

d) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng, trong dịp Tết Nguyên đán, Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông (trừ tai nạn giao thông đường bộ thực hiện hỗ trợ từ Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 279/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về thành lập, nguồn tài chính hình thành, quản lý, hoạt động chi, sử dụng Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ);

e) Chi thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

Điều 4. Mức chi

1. Mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công an, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Một số mức chi quy định như sau:

a) Chi công tác phí, hội nghị, tập huấn triển khai thực hiện nhiệm vụ, công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Chi tập huấn nghiệp vụ về trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

c) Chi khen thưởng theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

d) Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết:

Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/người bị tử vong, không quá 05 triệu đồng/người bị thương nặng;

Trong dịp Tết Nguyên đán, Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông: Chi thăm hỏi không quá 05 triệu đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 5. Lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về kế toán.

2. Hàng năm, cùng với thời gian lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm trật tự an toàn giao thông và tổng hợp chung vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

a) Đối với Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng lập dự toán kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia do Văn phòng Ủy ban lập.

b) Đối với địa phương:

Sở Xây dựng tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố do Văn phòng Ban lập trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Xây dựng, gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Các cơ quan khác ở địa phương được giao nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo trật tự an toàn giao thông theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm trật tự an toàn giao thông tổ chức thực hiện theo nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước đã được giao, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức do cơ quan có thẩm quyền quy định; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định.

4. Đối với các nhiệm vụ chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông đã được bố trí từ các nguồn kinh phí khác của ngân sách nhà nước thì không bố trí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

2. Các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

b) Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết. / *n h*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- KBNN các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo, cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (200 bản). *n*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc